

**VĂN BẢN PHÁP LUẬT**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

Số: 826/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt số lượng học sinh trung học phổ thông được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ năm học 2022-2023**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Căn cứ Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cụ thể khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Nghị quyết số 54/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định cụ thể*

*khoảng cách và địa bàn để xác định học sinh không thể đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định cụ thể tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Kon Tum;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt số lượng học sinh trung học phổ thông được hưởng các chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ năm học 2022-2023 (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan và các địa phương thường xuyên kiểm tra, giám sát, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đầy đủ, kịp thời, công khai, đúng đối tượng và mức hỗ trợ. Tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Y Ngọc**

## PHỤ LỤC

**SỐ LƯỢNG HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ĐƯỢC PHÊ DUYỆT HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ  
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2016/NĐ-CP, NGÀY 18/7/2016 CỦA CHÍNH PHỦ NĂM HỌC 2022-2023**

*(Kèm theo Quyết định số:826/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

STT	Tên trường	Tổng số học sinh toàn trường	Học sinh được phê duyệt hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP					Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				
				Học sinh người DTTS	Học sinh người kinh con hộ nghèo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn, gạo	Học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ tiền nhà ở	
1	Trường THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	753	01	01	0	01	01	
2	Trường THPT Kon Tum	1393	06	06	0	06	06	
3	Trường THCS-THPT Liên Việt Kon Tum	1498	02	02	0	02	02	
4	Trường THPT Ngô Mã	895	11	11	0	11	11	
5	Trường THPT Trường Chinh	910	31	31	0	31	31	
6	Trường THPT Nguyễn Du	586	34	34	0	34	34	
7	Trường PT DTNT huyện Đăk Hà	374	54	54	0	54	54	
8	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	753	14	14	0	14	8	
9	Trường PT DTNT huyện Đăk Tô	368	47	47	-	47	47	

10	Trường PT DTNT huyện Tu Mơ Rông	402	71	71	0	71	0	
11	Trường THPT Nguyễn Trãi	1316	15	15	0	15	15	
12	Trường THPT Phan Chu Trinh	442	41	40	01	41	41	
13	Trường THPT Lương Thế Vinh	638	168	168	0	168	96	
14	Trường PT DTNT huyện Đăk Glei	439	53	53	0	53	53	
15	Trường THPT Quang Trung	651	12	10	02	12	12	
16	Trường PT DTNT Sa Thầy	438	89	88	01	89	89	
17	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1086	06	06	0	06	06	
18	Trường THPT Chu Văn An	311	32	30	02	32	0	
19	Trường PT DTNT THPT huyện Kon Plông	463	31	31	0	31	0	
20	Phân hiệu Trường PT DTNT tỉnh tại huyện Ia H'Drai	208	31	14	17	31	31	
<b>Tổng cộng</b>		<b>13.924</b>	<b>749</b>	<b>726</b>	<b>23</b>	<b>749</b>	<b>537</b>	